TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/DS-ST.
Ngày: 31/7/2017.
V/v: Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mỹ Lệ

2. Bà Huỳnh Thị Lệ Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2017/TLST-DS ngày 05/6/2017, về việc: "Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự**"**; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐST-DS ngày 14/7/2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: - Ông Trần Ngọc D - sinh năm 1978 (Có mặt)
- Bà Mai Thị A – sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận

2.Bị đơn:

- Ông Trần Ngọc T – sinh năm 1973 (Vắng mặt)
- Bà Võ Thị N – sinh năm 1953 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

*3.Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc T***:** Bà Võ Thị N – sinh năm 1953 (Có mặt). Theo giấy ủy quyền ngày 12/6/2017.
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 10/5/2017, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 22/6/2016 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Ngọc D và bà Mai Thị A trình bày***:** Trước đây, vợ chông ông có bán phân thuốc trừ sâu cho vợ chồng ông T và bà N nhiều lần thiếu nợ. Ngày 05/6/2014 âm lịch, vợ chồng ông bà đã tính toán công nợ cho ông T và bà N thì ông T và bà N có

ký giấy nhận nợ tiền phân thuốc của vợ chồng ông bà là 41.000.000đ, vợ chồng ông T và bà N hẹn vào ngày 05/9/2014 âm lịch sẽ trả nợ cho vợ chồng ông bà nhưng không trả. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu vợ chồng ông T và bà N trả cho vợ chồng ông bà tiền nợ là 41.000.000đ và tiền lãi chậm trả 1%/tháng từ ngày 05/9/2014 âm lịch đến ngày 05/4/2017 âm lịch là 12.700.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 53.700.000đ. Tại phiên tòa, vợ chồng ông D và bà A yêu cầu vợ chồng ông T và bà N trả cho vợ chồng ông bà tiền gốc là 41.000.000đ và tiền lãi 0,75%/tháng từ ngày 05/9/2014 âm lịch tương ứng ngày 28/9/2014 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (31/7/2017) là 10.486.000đ (41.000.000đ x 0,75%/tháng x 34 tháng 03 ngày), tổng cộng **51.486.000đ**.

*Bị đơn bà Võ Thị N và bà N là đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc T trình bày***:** Trước đây vợ chồng ông bà có thường xuyên mua phân và thuốc trừ sâu của vợ chồng ông D và bà A. Vợ chồng ông bà xác nhận có nợ tiền phân thuốc trừ sâu của vợ chồng ông D bà A là 41.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 05/6/2014 là đúng. Nhưng sau đó chồng bà là ông Trần Ngọc T đã trả hết 41.000.000đ cho vợ chồng ông D và bà A rồi, khi trả không có làm giấy tờ gì. Nay ông D và bà A yêu cầu vợ chồng tôi trả cho vợ chồng ông bà tiền nợ là 41.000.000đ và tiền lãi chậm trả 1%/tháng từ ngày 05/9/2014 âm lịch đến ngày 05/4/2017 âm lịch là 12.700.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 53.700.000đ thì bà không đồng ý. Tại phiên Tòa bà Võ Thị N xác nhận có nợ của ông D bà A số tiền mua phân thuốc trừ sâu là 41.000.000đ và đồng ý trả cho vợ chồng ông D và bà A tiền lãi 0,75%/tháng từ ngày 05/9/2014 âm lịch tương ứng ngày 28/9/2014 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (31/7/2017) là 10.486.000đ (41.000.000đ x 0,75%/tháng x 34 tháng 03 ngày), tổng cộng gốc và lãi **51.486.000đ**.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đề nghị: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng ông Trần Ngọc D và bà Mai Thị A yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn T và bà Võ Thị N phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ mua bán phân thuốc trừ sâu là 41.000.000đ và tiền lãi chậm trả 10.486.000đ, tổng cộng 51.486.000đ.

- Vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Võ Thị N đồng ý trả cho vợ chồng ông Trần Ngọc D và bà Mai Thị A số tiền nợ mua bán phân thuốc trừ sâu là 41.000.000đ và tiền lãi chậm trả 10.486.000đ, tổng cộng 51.486.000đ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/QĐ-XX ngày 14/7/2017 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự", qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự không tranh chấp gì về "Hợp đồng mua bán tài sản" và đã thống nhất với nhau tiền nợ là 41.000.000đ nhưng bị đơn chưa trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền còn nợ cùng yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán. Đây là "Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự" được quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Hàm Thuận Bắc nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

2.Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa hai bên được xác lập vào ngày 01/7/2014 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 vẫn còn hiệu lực, mức lãi chậm trả giữa Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015 khác nhau nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết mà không áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015.

3.Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi ông T và bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 28/9/2014, Ngày 15/5/2017 ông D và bà A đã thực hiện quyền khởi kiện, Tại Tòa, bị đơn đã thừa nhận nợ nên bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 162 Bộ luật dân sự năm 2005 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

3.Về tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ giấy ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Ngọc T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N đại diện là hợp lệ đúng quy định tại Điều 142 Bộ lật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

4. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Theo lời khai của hai bên qua hòa giải và tại phiên tòa hôm nay thì hai bên thống nhất là bị đơn có nợ tiền mua phân thuốc trừ sâu của nguyên đơn là 41.000.000đ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đó là sự thật. Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: bị đơn có mua phân và thuốc trừ sâu của nguyên đơn với số tiền nợ là 41.000.000đ nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ 41.000.000đ. Tại phiên Tòa, Vợ chồng ông Trần Ngọc D và bà Mai Thị A yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn T và bà Võ Thị N phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ mua bán phân thuốc trừ sâu là 41.000.000đ và tiền lãi chậm trả 10.486.000đ, tổng cộng 51.486.000đ thì được bà Võ Thị N đồng ý nên Hội Đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

5.Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vợ chồng ông T và bà N đồng ý trả tiền cho vợ chồng ông D và bà A tại phiên tòa vì vậy ông T và bà N phải chịu án phí trên tổng số tiền nợ theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Vợ chồng ông T và bà N phải chịu 51.486.000đ x 5% = 2.574.000đ.

Do yêu cầu của nguyên đơn chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.373.500đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.**Áp dụng:** Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 281, Điều 282, Điều 283, Điều 286; Điều 290, khoản 2 Điều 438, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2.Tuyên xử: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng ông Trần Ngọc D và bà Mai Thị A yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn T và bà Võ Thị N phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ mua bán phân thuốc trừ sâu là 41.000.000đ và tiền lãi chậm trả 10.486.000đ, tổng cộng 51.486.000đ (Năm mươi mốt triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

- Vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Võ Thị N đồng ý trả cho vợ chồng ông Trần Ngọc D và bà Mai Thị A số tiền nợ mua bán phân thuốc trừ sâu là 41.000.000đ và tiền lãi chậm trả 10.486.000đ, tổng cộng **51.486.000đ** (Năm mươi mốt triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

3.Về án phí: Áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Võ Thị N phải chịu 2.574.000đ (Hai triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Vợ chồng ông Trần Ngọc D và bà Mai Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho vợ chồng ông Trần Ngọc D và bà Mai Thị A số tiền 1.373.500đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0014359 ngày 05/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2017).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất như sau:

- Theo thỏa thuận của đương sư nhưng không được quá 20%/ năm, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật.

- Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/ năm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận**;**
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ung Thanh Quang